TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**13**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 05 – 2023.
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Lê Khắc Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Y Kăn Niê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 31/05/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 476/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07/11/2022; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 26/04/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐHPT-HNGĐ, ngày 12/05/2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H**oàng Thị H,** sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Đào Văn T, s**inh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 01/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:**

- *Về hôn nhân:* Bà H và ông Đào Văn T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống hạnh phúc gần được 20 năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên quan hệ giữa chúng tôi trở căng thẳng, trầm trọng, tình cảm dần đi xuống và hai bên cũng nhiều lần tự hoà giải để đi đến hòa thuận nhưng sự việc vẫn không được giải quyết. Xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên bố bà Hoàng Thị H và ông Đào Văn T không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 02 con chung là Đào Thị Thanh H, sinh năm 1999 và Đào Hoàng V, sinh ngày 02/12/2006. Sau khi vợ chồng sống ly thân thì con chung Đào Hoàng V, sinh ngày 02/12/2006 sống cùng bố là ông Đào Văn T và con chung cháu Vũ có nguyện vọng ở với bố. Do đó, bà H có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao con chung Đào Hoàng V, sinh ngày 02/12/2006 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Đào Thị Thanh H, sinh năm 1999 đã trên 18 tuổi nên Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng ông Đào Văn T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành phiên họp và hòa giải vắng mặt đối với bị đơn ông Đào Văn T. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Nguyên đơn bà Hoàng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Đào Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đào Văn T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị H; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hoàng Thị H và ông Đào Văn T là vợ chồng; Về con chung: Giao cháu Đào Hoàng V, sinh ngày 02/12/2006 cho ông Đào Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung: nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Xét về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị H, ghi ngày 01/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy bị đơn ông Đào Văn T cư trú tại thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS, Toà án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn và triệu tập các bên đương sự để tham gia phiên họp và hoà giải nhưng do bà Hoàng Thị H và ông Đào Văn T không có đăng ký kết hôn nên Toà án nhân dân huyện K không tiến hành hoà giải về quan hệ hôn nhân theo quy định tại Điều 54 Luật hôn và nhân gia đình. Xét thấy Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ cho ông Đào Văn T: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo tham gia phiên tòa nhưng bị đơn ông Đào Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTT DS, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Đào Văn T quen biết và đến với nhau trên cơ sở tự nguyện. Chung sống như vợ chồng từ năm 1997 đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi.

Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 24/04/2023, Tòa án nhân dân huyện K tiến hành xác minh thông tin tình trạng hôn nhân của Bà H, ông Thọ thì được UBND xã P, huyện K cung cấp: "UBND xã P đã kiểm tra, xác minh thông tin của bà H, theo hồ sơ hộ khẩu số 900 do Công an xã P cung cấp và hồ sơ kết hôn lưu tại địa phương thì trong sổ đăng ký kết hôn của bà Hoàng Thị H, sinh năm 1973 với ông Đào Văn T, sinh năm 1969 không có thông tin lưu trữ thủ tục đăng ký kết hôn ". Quá trình thập chứng cứ Bà H xác nhận trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng bà H và ông T không đến Ủy ban nhân dân xã P, huyện K đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên xác định đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Vì vậy HĐXX, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà Hoàng Thị H và ông Đào Văn T là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, Bà H có nguyện vọng giao con chung là Đào Hoàng V, sinh ngày 02/12/2006 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. HĐXX, xét thấy nguyện

vọng về con chung của bà H phù hợp với nguyện vọng của con chung, vì vậy HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung là Đào Hoàng V, sinh ngày 02/12/2006 cho ông Đào Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Đối với con chung là Đào Thị Thanh H, sinh năm: 1999 đã trên 18 tuổi nên bà H không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Bà Hoàng Thị H được quyền đi lại thăm nom con chung, ông Thọ không được quyền cản trở, tuy nhiên bà H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình thu thập chứng cứ, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Hoàng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Hoàng Thị H và ông Đào Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là Đào Hoàng V, sinh ngày: 02/12/2006 cho ông Đào Văn T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Đối với con chung là Đào Thị Thanh H, sinh năm 1999, đã trên 18 tuổi nên Bà H không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Bà Hoàng Thị H được quyền đi lại thăm nom con chung, ông T không được quyền cản trở, tuy nhiên bà H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0020332, ngày 03/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Hoàng Thị H và bị đơn ông Đào Văn T được quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Các đương sự;
- UBND xã P;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

Võ Thị Mai